

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04-02-2026
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chinh và ông Lê Đăng Huấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Bùi – Kiểm sát viên.

Ngày 04/02/2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐST- HNGĐ ngày 29/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sùng Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn G, xã P, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Sùng A S, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn G, xã P, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại các buổi làm việc, nguyên đơn bà Sùng Thị C trình bày:*

- Tôi và ông Sùng A S có đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã P, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 30/12/2002. Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đến năm 2014 thì vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Sùng A S.

Về con chung: Chúng tôi có 5 con chung hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Sùng A S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Sùng Thị C được ly hôn với ông Sùng A S. Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về khởi kiện và thụ lý vụ án: Tòa án thụ lý việc khởi kiện của bà Sùng Thị C là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Sùng A S không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để làm việc. Ngày 15/01/2026 Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 04/02/2026 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, bà Sùng Thị C và ông Sùng A S có chung sống với nhau từ năm 1995, đến ngày 30 tháng 12 năm 2002 mới đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã P, tỉnh Đắk Lắk) là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đến năm 2014 thì vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Qua quá trình xác minh tại chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân xã T xác định vợ chồng ông Sùng A S, bà Sùng Thị C có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông Sùng A S và bà Sùng Thị C sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Như vậy, Hội đồng xét

xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Sùng Thị C và ông Sùng A S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông Sùng A S và bà Sùng Thị C ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Sùng Thị C không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Sùng Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 191, 195; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Sùng Thị C được quyền ly hôn với ông Sùng A S.

2. Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Sùng Thị C không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Sùng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001349 ngày 02/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 10 – Đắk Lắk;
- UBND xã P;
- Phòng THA dân sự khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Anh Tuấn

